TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2018
V/v: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Công Bằng
-Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 416/ 2017/ TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Dương Thị Mỹ C, sinh năm: 1973
Địa chỉ: Số 48/4, ấp L1, xã H, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Nguyễn Văn Út N, sinh năm: 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 48/4, ấp L1, xã H, huyện H, tỉnh L.

Con chung của chị Dương Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn Út N là:
1/ Cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991
2/ Cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/10/2002
Địa chỉ: Số 48/4, ấp L1, xã H, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ C trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối vào năm 1990 chị và anh Nguyễn Văn Út N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/1990.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cải vả, anh N thường hay đánh đập chị và các con, còn đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, vì không chịu đựng được nên chị về nhà mẹ ruột ở từ tháng 10/2017 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh N.

-Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1991 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/10/2002. Cháu T đã trưởng thành có khả năng nuôi sống bản thân, chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết

-Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn Út N: Vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

-Ý kiến của cháu Nguyễn Tuấn K: Cháu là con ruột của bà Dương Thị Mỹ C và ông Nguyễn Văn Út N. Khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là ở với mẹ.

-Tại phiên Tòa chị C trình bày: Sống với anh N, anh N tính toán chi ly về vấn đề tiền bạc, nhiều năm nay anh N không lo cho gia đình, nhiều lần đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, hiện tại chị và anh N đã ly thân với nhau. Từ khi chị về nhà mẹ của chị ở anh N cũng không có liên lạc với chị. Khi Tòa án gửi giấy mời cho anh N, chị nghe con chị và gia đình bên chồng nói lại, anh N nói đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý xuống Tòa án giải quyết, để cho chị muốn làm gì thì làm. Chị không còn tình cảm với anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tuc tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Út N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị C yêu cầu xin ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Chị C và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 195 ngày 30 tháng 12 năm 2002. Do đó hôn nhân của chị C và anh N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Trong thời gian chung sống giữa chị và anh N có nhiều mâu thuẫn, theo chị C trình bày anh N tính toán chi ly, khó khăn đối với vợ con, nhiều lần đánh đập

chị, trong cuộc sống anh N cũng không lo kinh tế cho gia đình, hai người thường hay cải vả với nhau. Chị và anh N đã ly thân không còn chung sống. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã trầm trọng và kéo dài không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.3]. Về phía anh N: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N biết về yêu cầu khởi kiện của chị C, nhưng anh N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị C. Đến nay đã qua nhiều lần Tòa án mời anh N đến để giải quyết nhưng anh không đến và cũng không có nộp cho Tòa án bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C và cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị C. Điều đó chứng tỏ rằng anh N không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị C.

[2.4]. Xét thấy hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình nhưng giữa chị C và anh N sống không có hạnh phúc khi ở bên nhau, thậm chí có lần anh N lại dùng vũ lực đánh chị. Hiện chị và anh nuôi đã ly thân, từ khi ly thân đến nay anh N cũng không quan tâm đến cuộc sống của chị C.

[2.5]. Từ những phân tích trên. Cho thấy việc chị C yêu cầu ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị C. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị C và anh N, có 02 người con là Nguyễn Thanh T và Nguyễn Tuấn K. Cháu T đã trưởng thành chị C không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu K hiện đang sống chung với chị, nguyện vọng của cháu là được ở với chị C. Anh N đã được Tòa án thông báo về nguyện vọng nuôi con của chị C, nhưng anh N cũng không có ý kiến. Xem như anh N đồng ý với yêu cầu của chị C. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị C là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị C phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Dương Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Út N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/10/2002 cho chị Dương Thị Mỹ C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Út N có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.Về án phí: Buộc chị Dương Thị Mỹ C nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001025 ngày 19/10/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã H
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng